

**TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 16-10-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân; bà Dương Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2018/TLST - HNGĐ ngày 17/7/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/9/2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Nh - Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân T - Sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2018 và bản tự khai ngày 23/7/2018, chị Trịnh Thị Nh trình bày:

Vê hôn nhân: Chị và anh Phạm Xuân T kết hôn ngày 18/10/1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Do bảo quản không tốt nên Giấy chứng nhận kết hôn đã mất, chị ra UBND xã T xin bản sao, nhưng sổ lưu không còn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2005 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Nh và anh T có 03 con chung là Phạm Văn Đ – Sinh ngày: 10/3/1993; Phạm Văn D – Sinh ngày: 27/8/1996 và Phạm Văn N – Sinh ngày: 29/12/2003. Hiện nay, cháu Đ và cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; còn cháu N chưa đến tuổi trưởng thành, nếu ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với chị Nh và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt, chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt cả hai đương sự.

Tại biên bản xác minh ngày 17/8/2018, xóm trưởng xóm 4, xã T cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị Nh là do điều kiện kinh tế khó khăn, công việc không ổn định, thu nhập bấp bênh, tính tình hai người ngày càng không hợp nhau và đã sống ly thân từ lâu. Anh T lại có quan hệ trai gái bất chính với một người đàn bà khác nên ngày càng gây sự với vợ, con, dẫn đến hiện nay tình cảm giữa hai người khó có thể hàn gắn được. Anh T và chị Nh có 03 con chung: 02 cháu đầu đã lớn và đi làm ăn xa, còn cháu thứ 3 đang còn đi học và cháu lúc thì ở với bà nội ở xã A, lúc thì ở với bà ngoại ở xóm 4, xã T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị Nh về yêu cầu xin ly hôn và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và chủ tọa phiên tòa công bố những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T cố tình vắng mặt, nên không thông nhất được hướng giải quyết vụ án. Ngày 26/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, chị Nh và anh T vắng mặt, không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Như vậy, việc anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án là trường hợp cố tình trốn tránh. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt, chị Nh có đơn xin xét xử

vắng mặt nên theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử lần 2 vắng mặt cả chị Nh và anh T.

[2] Về hôn nhân: Như chị Trịnh Thị Nh trình bày, chị và anh T kết hôn ngày 18/10/1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nga Sơn, nhưng do bảo quản không tốt nên mất Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và xin bản sao thì sổ lưu không còn. Nhưng thực tế trong đơn xin xác nhận ngày 02/7/2018, đại diện UBND xã T xác nhận: “Bà Trịnh Thị Nh và ông Phạm Xuân T đã chung sống với nhau như vợ chồng tại xóm 4, xã T, từ năm 1992 đến nay”; Biên bản xác minh tại UBND xã T ngày 15/8/2018 và Biên bản xác minh tại UBND xã A ngày 17/8/2018 đều khẳng định: Chị Nh và anh T cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã T và xã A. Như vậy, trình bày của chị Nh là có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là không đúng. Chị Nh và anh T, cưới và chung sống với nhau như vợ chồng năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp. Vì vậy, cần xử không công nhận quan hệ giữa chị Nh và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nh và anh T có 03 con chung là Phạm Văn Đ – Sinh ngày: 10/3/1993; Phạm Văn D – Sinh ngày: 27/8/1996 và Phạm Văn N – Sinh ngày: 29/12/2003. Hiện nay, cháu Đ và cháu D đã trưởng thành, các cháu ở với ai là do các cháu tự quyết định, chị Nh không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Còn cháu N chưa đủ tuổi thành niên, chị Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Ý kiến của cháu N là: Cháu ở với mẹ ở xóm 4, xã T. Hiện nay, mẹ đang đi công việc nên cháu ở với bà nội ở xóm 4, A. Mẹ về thì cháu lại ở với mẹ và bà ngoại ở xã T. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn được ở với mẹ. Do vậy, cần giao cháu N cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Nh không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là tự nguyện nên chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trịnh Thị Nh và anh Phạm Xuân T là vợ chồng.

2. Về con: Giao cháu Phạm Văn N – Sinh ngày: 29/12/2003 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Nh.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, chị Nh không được cản trở, ngăn cấm.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Nh phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị Nh đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0002837 ngày 17/7/2018 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn; chị Nh đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nh, anh T. Chị Nh, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã T, huyện Nga Sơn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Thu